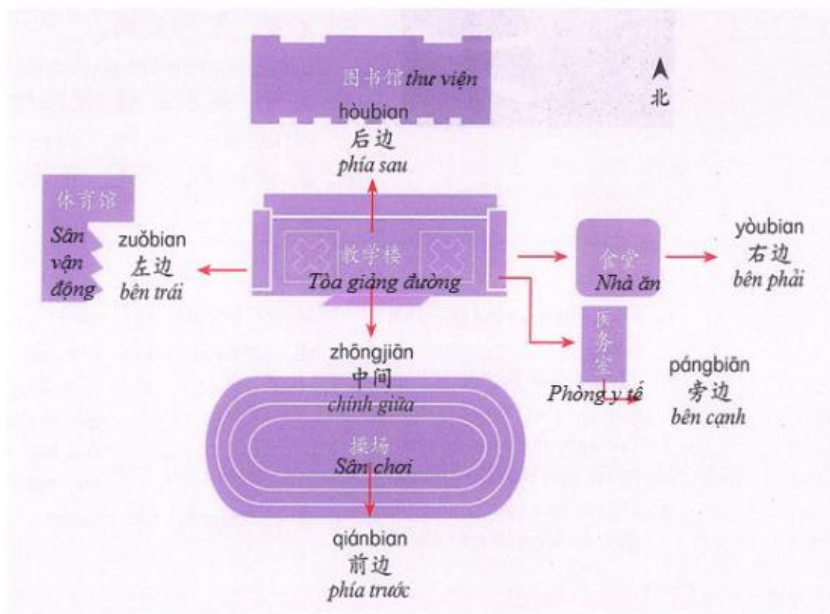




(一) 根据上面图片，选择正确词语 Dựa vào hình trên, chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

1. 图书馆在教学楼_____。(Thư viện nằm ở _____ tòa giảng đường.)
2. 食堂在教学楼 _____。(Nhà ăn nằm ở _____ tòa giảng đường.)
3. 操场在教学楼_____。(Sân chơi nằm ở _____ tòa giảng đường.)
4. 教学楼在 _____ 和 _____ 中间。(Tòa giảng đường nằm ở giữa _____ và _____.)
5. 医务室在 _____ 旁边。(Phòng y tế nằm ở bên cạnh _____.)

(二) 链接上面词语跟意思相对的图片 **Nối các từ ở trên với hình ảnh tương ứng**

1. 牛奶 2. 粉色 3. 报纸 4. 手表 5. 杯子 6. 房间



(三) **Dựa vào những từ cho sẵn dưới đây, chọn từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống**

手表、报纸、粉色、牛奶、送、房间、左边、丈夫、真

1. 桌子上有一杯 _____ 。
2. 她每天早上喜欢看 _____ 。
3. 我想把这本书 _____ 给你。
4. 她的 _____ 很大，也很漂亮。
5. 他的家在学校的 _____ 。
6. 她的 _____ 在公司工作。
7. 我很喜欢 _____ 的衣服。
8. 这个菜 _____ 好吃！
9. 我爸爸有一块新的 _____ 。